

Số: /TB-TCKH.

Biên Hòa, ngày tháng năm

THÔNG BÁO

Xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2020

Đơn vị được thông báo: PHÒNG TÀI NGUYÊN - MÔI TRƯỜNG

THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Mã chương: 626

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ báo cáo quyết toán ngân sách năm 2020 của Phòng Tài chính – Kế hoạch và biên bản xét duyệt quyết toán ngày 16/4/2021 giữa Phòng Tài nguyên – Môi trường thành phố Biên Hòa và Phòng Tài chính – Kế hoạch.

Phòng Tài chính – Kế hoạch thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2020 (không bao gồm quyết toán vốn XDCB, các công trình vốn sự nghiệp, quản lý hành chính mang tính chất XDCB.....- sẽ có biên bản riêng) của Phòng Tài chính – Kế hoạch như sau:

I. Phần số liệu:

1. Số liệu quyết toán:

a) Thu phí, lệ phí

- Tổng số thu trong năm: 455.191.102 đồng
- Số phải nộp ngân sách nhà nước: 346.218.327 đồng
- Số phí được khấu trừ, để lại: 108.972.776 đồng

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 1a đính kèm)

b) Quyết toán chi ngân sách:

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng
- Dự toán được giao trong năm: 178.294.015.452 đồng, trong đó:
 - + Dự toán giao đầu năm: 15.874.852.000 đồng;
 - + Dự toán điều chỉnh, bổ sung trong năm: 162.419.163.452 đồng (trong đó: bổ sung KP rác sinh hoạt: 156.413.837.495 đồng, bổ sung đ1: 3.327.913.267 đồng, điều chỉnh giảm theo NQ 84: 108.447.002 đồng, bổ sung đ2: 2.171.298.009 đồng, bổ sung rác Covid: 614.561.683 đồng);
- Kinh phí thực nhận trong năm: 77.674.481.373 đồng
- Kinh phí quyết toán: 77.674.481.373 đồng;

- Kinh phí giảm trong năm: 100.619.233.702 đồng.
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 300.377 đồng, bao gồm:

+ Kinh phí đã nhận:..... đồng;

+ Dự toán còn dư ở Kho bạc: 300.377 đồng;

(Số liệu chi tiết theo 1c đính kèm)

2. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính

- Tổng số kinh phí phải nộp NSNN: 196.020.000 đồng

- Tổng số kinh phí đã nộp NSNN: 196.020.000 đồng (BBQT năm 2018: 57.820.000 đồng và BBQT năm 2019: 9.200.000+129.000.000= 138.200.000 đồng)

- Tổng số kinh phí còn phải nộp NSNN: 0 đồng

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu số 69 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC)

3. Thuyết minh số liệu quyết toán:

Trên cơ sở báo cáo, tài liệu đơn vị cung cấp và tự chịu trách nhiệm, Phòng Tài chính - Kế hoạch thực hiện kiểm tra như sau:

3.1. Về số thu:

- Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp (theo Nghị định 54/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 của Chính phủ):

+ Dự toán: 375.000.000 đồng

+ Thực hiện: 435.891.102 đồng

+ Nộp NSNN (75%): 326.918.327 đồng

+ Để lại đơn vị (25%): 108.972.775 đồng (trong đó trích 40% CCTL: 43.589.110 đồng).

Đơn vị thực hiện nộp ngân sách nhà nước, và trích nguồn cải cách tiền lương đầy đủ theo quy định.

- Phí cấp giấy CNQSDĐ (theo Nghị quyết số 66/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai):

+ Dự toán: 40.000.000 đồng

+ Thực hiện: 19.500.000 đồng

+ Nộp NSNN: 19.500.000 đồng

Đơn vị thực hiện nộp NSNN đầy đủ theo qui định.

- Thu khác (thẩm định phương án bồi thường):

+ Tồn đầu kỳ: 943.970.542 đồng

- + Thực hiện: 2.955.854.581 đồng
- + Chi trong kỳ: 2.017.729.214 đồng
- + Tồn cuối kỳ: 1.882.095.909 đồng.

Ngoài các nguồn thu trên, đơn vị không báo cáo nguồn thu nào khác. Đơn vị hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu có khoản thu nào để ngoài sổ sách.

3.2 Về số chi:

Đơn vị thực hiện chi ngân sách theo dự toán được giao, khớp đúng với số liệu thực chi với Kho bạc Nhà nước.

Phòng Tài chính – Kế hoạch thực hiện kiểm tra một số chứng từ sau:

- Chi từ nguồn thu phí, lệ phí (phí bảo vệ môi trường đối với nước thải và phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSDĐ): nội dung chi thực hiện theo Nghị định 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.

- Số tiền thực hiện gói xúc, vận chuyển năm 2020 (bắt đầu từ tháng 06/2020 đến 31/12/2020) là 27.926.576.587 đồng, chưa thực chi vẫn còn tạm ứng do chưa có kết quả trúng thầu gói xúc, vận chuyển năm 2020.

II. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ:

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm:..... đồng, trong đó:
- Sử dụng kinh phí tiết kiệm của cơ quan hành chính:..... đồng
- Trích lập các Quỹ:..... đồng
- Kinh phí cải cách tiền lương:... đồng

(Số liệu chi tiết theo theo Mẫu biểu 1b).

III. Nhận xét và kiến nghị:

1. Nhận xét:

- Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán: đảm bảo thời gian theo lịch thông báo.

- Về công khai tài chính: thực hiện công khai dự toán theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính.

- Về chấp hành các quy định của Nhà nước như: Đơn vị hạch toán đúng mục lục ngân sách, có xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện theo quy chế.

- Về các mẫu biểu báo cáo quyết toán: đơn vị nộp báo cáo quyết toán đầy đủ theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017. Tuy nhiên mẫu B01/BCQT chưa hoàn chỉnh.

- Về sổ sách kế toán: mở sổ kế toán theo Thông tư 107/TT-BTC.

2. Kiến nghị:

- Đề nghị đơn vị hoàn chỉnh mẫu B01/BCQT
- Đề nghị đơn vị phản ảnh tất cả các khoản thu, chi vào báo cáo tài chính của đơn vị. Thực hiện nghiêm theo Luật ngân sách.

Nơi nhận:

- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Lưu: VT, HCSN.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Đoàn Thanh Long